TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 932/2020/QĐST-VHNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 0125/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa:

Người yêu cầu:

- Bà A, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh Đăklăk.

Địa chỉ tạm trú: Số 860/42/4 Đường N, Phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu dân cư 5, tổ dân phố 3, thị xã G, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 10 tháng 7 năm 2019;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 10 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà A, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh Đăklăk.

Địa chỉ tạm trú: Số 860/42/4 Đường N, Phường M, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu dân cư 5, tổ dân phố 3, thị xã G, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 28/6/2013 cho ông Phùng và bà Giang hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà A thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên V, sinh ngày 18/8/2013 và T, sinh ngày 03/5/2017. Giao hai con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Về lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, bà A tự nguyện nộp nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0017602 ngày 20 tháng 01 năm 2020. Bà A đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm**.**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- UBND thị trấn G, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Minh Thuận